

**THÔNG BÁO PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH  
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024**

Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy Học viện Báo chí và Tuyên truyền thông báo chi tiêu, ngành xét tuyển và các điều kiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển năm 2024, như sau:

**1. Thông tin chung**

- Mã trường: HBT.

- Địa chỉ: 36 Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (+84) 0243.7546963 Fax: (+84) 0243.7548949

Cổng thông tin điện tử: <https://ajc.hcma.vn/>

Chuyên trang đào tạo - tuyển sinh: <https://daotaoajc.edu.vn/>

**2. Đối tượng và phạm vi tuyển sinh**

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; đạt yêu cầu xét tuyển theo quy định của Học viện về học lực, hạnh kiểm bậc THPT. Thí sinh là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

**3. Các chương trình đào tạo**

**3.1. Nhóm 1:** ngành Báo chí, gồm các chuyên ngành: Báo in; Ảnh báo chí; Báo phát thanh; Báo truyền hình; Quay phim truyền hình; Báo mạng điện tử.

**3.2. Nhóm 2** gồm các ngành:

- Ngành Triết học.

- Ngành Kinh tế chính trị.

- Ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước.

- Ngành Chính trị học, gồm 4 chuyên ngành: Công tác tư tưởng - văn hóa; Chính trị phát triển; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Truyền thông chính sách.

- Ngành Quản lý công.

- Ngành Quản lý nhà nước.

- Ngành Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế.

- Ngành Công tác xã hội.

- Ngành Xã hội học.

- Ngành Xuất bản, gồm 2 chuyên ngành: Biên tập xuất bản, Xuất bản điện tử.

- Ngành Truyền thông đại chúng.

- Ngành Truyền thông đa phương tiện.

**3.3. Nhóm 3:** Ngành Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

**3.4. Nhóm 4** gồm các ngành:

- Ngành Quan hệ quốc tế, gồm 3 chuyên ngành: Thông tin đối ngoại; Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế; Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu.

- Ngành Truyền thông quốc tế.

- Ngành Quan hệ công chúng, gồm 2 chuyên ngành: Quan hệ công chúng chuyên nghiệp; Truyền thông marketing.

- Ngành Quảng cáo.

- Ngành Ngôn ngữ Anh.

#### **4. Phương thức tuyển sinh**

**4.1. Xét học bạ** (dự kiến 15% chỉ tiêu):

- Nhóm ngành Báo chí: Điểm xét tuyển =  $(A + B*2)/3$  + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

- Các ngành nhóm 2: Điểm xét tuyển =  $A$  + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

- Nhóm 3 ngành Lịch sử: Điểm xét tuyển =  $(A + C*2)/3$  + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

- Các ngành nhóm 4: Điểm xét tuyển =  $(A + D*2)/3$  + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

*Trong đó:*

A = Điểm TBC 5 học kỳ THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).



B = Điểm TBC 5 học kỳ môn Ngữ văn THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).

C = Điểm TBC 5 học kỳ môn Lịch sử THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).

D = Điểm TBC 5 học kỳ môn Tiếng Anh THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).

Nếu điểm TBC dưới 7.5 điểm ưu tiên được xác định thông thường theo Đề án tuyển sinh

Nếu điểm TBC từ 7.5 trở lên tổng điểm ưu tiên/khuyến khích được xác định như sau:

*Điểm ưu tiên/khuyến khích = [(10 - điểm TBC)/2.5] x tổng điểm ưu tiên/khuyến khích*

**4.2. Xét tuyển kết hợp** (dự kiến 15% chỉ tiêu) đối với thí sinh có chứng chỉ quốc tế môn tiếng Anh tương đương IELTS 6.5 trở lên, chứng chỉ SAT tối thiểu 1200/1600, điểm TBC học tập của 5 học kỳ bậc THPT từ 7,0 trở lên, hạnh kiểm của bậc THPT xếp loại Tốt (không tính học kỳ II năm lớp 12). Thí sinh xét tuyển các chương trình đào tạo trong nhóm 1: ngành Báo chí điểm TBC 5 học kỳ môn Ngữ văn THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12) đạt tối thiểu 7,0 trở lên. Thí sinh xét tuyển các chương trình đào tạo trong nhóm ngành 4, ngành Xã hội học, ngành Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản trong nhóm ngành 2 điểm TBC học tập 5 học kỳ môn Tiếng Anh THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12) đạt tối thiểu 7,0 trở lên.

**4.3. Xét tuyển căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT** (dự kiến 70% chỉ tiêu):

Học viện chấp nhận quy đổi điểm môn tiếng Anh đối với những thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh và được quy định mức quy đổi cụ thể tại Mục 8.2. Điểm tiếng Anh quy đổi sẽ được kết hợp với điểm thi tốt nghiệp THPT thành tổ hợp môn xét tuyển. Phương thức xét tuyển căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp môn xét tuyển như sau:

Nhóm ngành	Môn xét tuyển
1	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tiếng Anh + NGỮ VĂN (hệ số 2) + Toán</li><li>- Tiếng Anh + NGỮ VĂN (hệ số 2) + Khoa học tự nhiên</li><li>- Tiếng Anh + NGỮ VĂN (hệ số 2) + Khoa học xã hội</li></ul>
2	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ngữ văn + Toán + Khoa học tự nhiên</li><li>- Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh</li><li>- Ngữ văn + Toán + Khoa học xã hội</li><li>- Toán + Tiếng Anh + Vật lí</li></ul>
3	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ngữ văn + LỊCH SỬ (hệ số 2) + Toán</li><li>- Ngữ văn + LỊCH SỬ (hệ số 2) + Tiếng Anh</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ văn + LỊCH SỬ (hệ số 2) + Giáo dục công dân</li> <li>- Ngữ văn + LỊCH SỬ (hệ số 2) + Địa lý</li> </ul>
4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ văn + TIẾNG ANH (hệ số 2) + Toán</li> <li>- Ngữ Văn + TIẾNG ANH (hệ số 2) + Khoa học tự nhiên</li> <li>- Ngữ Văn + TIẾNG ANH (hệ số 2) + Khoa học xã hội</li> <li>- Toán + TIẾNG ANH (hệ số 2) + Vật lí</li> </ul>

*Lưu ý: Thí sinh đăng ký quy đổi điểm tiếng Anh bắt buộc gửi chứng chỉ tiếng Anh về Học viện trong thời hạn quy định để Học viện tiến hành quy đổi điểm tương ứng phục vụ xét tuyển.*

## 5. Chỉ tiêu tuyển sinh, mã tổ hợp

### 5.1. Tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024: 2.400 chỉ tiêu.

Trong đó:

- Tuyển sinh đại học chính quy cấp bằng đại học thứ nhất: **2.050 chỉ tiêu**.
- Tuyển sinh đại học chính quy cấp bằng đại học thứ hai: **350 chỉ tiêu (có thông báo riêng)**.

### 5.2. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành/chuyên ngành và theo phương thức tuyển sinh

Stt	Mã ngành/ chuyên ngành	Ngành học	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổng chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1	602	Báo chí, chuyên ngành Báo in	100	KQ thi TN	34	50	D01	VA	D72	VA	D78	VA		
			200	Học bạ	8									
			410	Kết hợp	8									
2	604	Báo chí, chuyên ngành Báo phát thanh	100	KQ thi TN	34	50	D01	VA	D72	VA	D78	VA		
			200	Học bạ	8									
			410	Kết hợp	8									
3	605	Báo chí, chuyên ngành Báo truyền hình	100	KQ thi TN	62	90	D01	VA	D72	VA	D78	VA		
			200	Học bạ	14									
			410	Kết hợp	14									
4	607	Báo chí, chuyên ngành Báo mạng điện tử	100	KQ thi TN	62	90	D01	VA	D72	VA	D78	VA		
			200	Học bạ	14									
			410	Kết hợp	14									
5	603	Báo chí,	100	KQ thi TN	28	40	D01	VA	D72	VA	D78	VA		



Stt	Mã ngành/ chuyên ngành	Ngành học	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổng chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
		chuyên ngành Ảnh báo chí	200	Học bạ	6									
			410	Kết hợp	6									
6	606	Báo chí, chuyên ngành Quay phim truyền hình	100	KQ thi TN	28	40	D01	VA	D72	VA	D78	VA		
			200	Học bạ	6									
			410	Kết hợp	6									
7	7320105	Truyền thông đại chúng	100	KQ thi TN	70	100	A16		C15		D01		A01	
			200	Học bạ	15									
			410	Kết hợp	15									
8	7320104	Truyền thông đa phương tiện	100	KQ thi TN	104	150	A16		C15		D01		A01	
			200	Học bạ	23									
			410	Kết hợp	23									
9	7229001	Triết học	100	KQ thi TN	28	40	A16		C15		D01		A01	
			200	Học bạ	6									
			410	Kết hợp	6									
10	7229008	Chú nghĩa xã hội khoa học	100	KQ thi TN	28	40	A16		C15		D01		A01	
			200	Học bạ	6									
			410	Kết hợp	6									
11	7310102	Kinh tế chính trị	100	KQ thi TN	28	40	A16		C15		D01		A01	
			200	Học bạ	6									
			410	Kết hợp	6									
12	527	Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế	100	KQ thi TN	104	150	A16		C15		D01		A01	
			200	Học bạ	23									
			410	Kết hợp	23									
13	530	Chính trị học, chuyên ngành Công tác tư tưởng - văn hóa	100	KQ thi TN	70	100	A16		C15		D01		A01	
			200	Học bạ	15									
			410	Kết hợp	15									
14	531	Chính trị	100	KQ thi TN	34	50	A16		C15		D01		A01	

Stt	Mã ngành/ chuyên ngành	Ngành học	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chi tiêu dự kiến	Tổng chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
		học, chuyên ngành Chính trị phát triển	200	Học bạ	8									
			410	Kết hợp	8									
15	533	Chính trị học, chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh	100	KQ thi TN	28	40	A16		C15		D01		A01	
			200	Học bạ	6									
			410	Kết hợp	6									
16	538	Chính trị học, chuyên ngành Truyền thông chính sách	100	KQ thi TN	34	50	A16		C15		D01		A01	
			200	Học bạ	8									
			410	Kết hợp	8									
17	532	Quản lý nhà nước	100	KQ thi TN	70	100	A16		C15		D01		A01	
			200	Học bạ	15									
			410	Kết hợp	15									
18	7310202	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	100	KQ thi TN	62	90	A16		C15		D01		A01	
			200	Học bạ	14									
			410	Kết hợp	14									
19	801	Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản	100	KQ thi TN	34	50	A16		C15		D01		A01	
			200	Học bạ	8									
			410	Kết hợp	8									
20	802	Xuất bản, chuyên ngành Xuất bản điện tử	100	KQ thi TN	34	50	A16		C15		D01		A01	
			200	Học bạ	8									
			410	Kết hợp	8									
21	7310301	Xã hội học	100	KQ thi TN	34	50	A16		C15		D01		A01	
			200	Học bạ	8									
			410	Kết hợp	8									
22	7760101	Công tác xã hội	100	KQ thi TN	34	50	A16		C15		D01		A01	
			200	Học bạ	8									
			410	Kết hợp	8									
23	7340403	Quản lý	100	KQ thi TN	62	90	A16		C15		D01		A01	



Stt	Mã ngành/ chuyên ngành	Ngành học  công	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổng chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4		
			200	Học bạ	14		Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
24	7229010	Lịch sử, chuyên ngành	100	KQ thi TN	28	40	C00	SU	C03	SU	C19	SU	D14	SU	
		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	200	Học bạ	6										
			410	Kết hợp	6										
25	7320107	Truyền thông quốc tế	100	KQ thi TN	34	50	D01	N1	D72	N1	D78	N1	A01	N1	
			200	Học bạ	8										
			410	Kết hợp	8										
26	610	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Thông tin đối ngoại	100	KQ thi TN	34	50	D01	N1	D72	N1	D78	N1	A01	N1	
			200	Học bạ	8										
			410	Kết hợp	8										
27	611	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế	100	KQ thi TN	34	50	D01	N1	D72	N1	D78	N1	A01	N1	
			200	Học bạ	8										
			410	Kết hợp	8										
28	614	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu	100	KQ thi TN	28	40	D01	N1	D72	N1	D78	N1	A01	N1	
			200	Học bạ	6										
			410	Kết hợp	6										
29	615	Quan hệ công chúng,	100	KQ thi TN	34	50	D01	N1	D72	N1	D78	N1	A01	N1	

Stt	Mã ngành/ chuyên ngành	Ngành học	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổng chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
		chuyên ngành Quan hệ công chúng chuyên nghiệp	200	Học bạ	8									
			410	Kết hợp	8									
30	616	Quan hệ công chúng, chuyên ngành Truyền thông marketing	100	KQ thi TN	56	80	D01	N1	D72	N1	D78	N1	A01	N1
			200	Học bạ	12									
			410	Kết hợp	12									
31	7320110	Quảng cáo	100	KQ thi TN	28	40	D01	N1	D72	N1	D78	N1	A01	N1
			200	Học bạ	6									
			410	Kết hợp	6									
32	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	KQ thi TN	34	50	D01	N1	D72	N1	D78	N1	A01	N1
			200	Học bạ	8									
			410	Kết hợp	8									

Mã tổ hợp xét tuyển

STT	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn xét tuyển
1	A16	Toán, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên
2	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
3	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
4	C15	Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội
5	C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
6	D01	Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh
7	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
8	D72	Ngữ văn, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh
9	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
10	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh



**6. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, xác định điểm trúng tuyển và tiêu chí phụ xét trúng tuyển**

**6.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển**

- Thí sinh dự tuyển theo tất cả các phương thức xét tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Có kết quả xếp loại học lực lớp 10, lớp 11 và kỳ 1 lớp 12 bậc THPT đạt 6,5 trở lên;

+ Hạnh kiểm năm lớp 10, lớp 11 và kỳ 1 lớp 12 bậc THPT xếp loại Khá trở lên;

*Thí sinh chịu trách nhiệm về điều kiện nộp hồ sơ (học lực, hạnh kiểm) theo quy định của Học viện. Trong trường hợp thí sinh đạt điểm xét tuyển nhưng không đáp ứng yêu cầu về điều kiện nộp hồ sơ, Học viện không công nhận trúng tuyển.*

- Thí sinh xét tuyển theo phương thức kết hợp vào các chương trình ngành Báo chí: điểm TBC 5 học kỳ môn Ngữ văn THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12) đạt từ 7,0 trở lên.

- Thí sinh xét tuyển theo phương thức kết hợp vào các chương trình trong nhóm ngành 4, ngành Xã hội học, ngành Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản trong nhóm ngành 2: điểm TBC 5 học kỳ môn tiếng Anh THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12) đạt từ 7,0 trở lên.

- Thí sinh dự tuyển các ngành/chuyên ngành đào tạo giảng viên lý luận chính trị (Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) không nói ngọng, nói lắp.

- Thí sinh dự tuyển chuyên ngành Quay phim truyền hình phải có sức khỏe tốt, không mắc các bệnh, dị tật về mắt, ngoại hình phù hợp (nam cao 1m65, nữ cao 1m60 trở lên).

*Sau khi trúng tuyển, nhà trường sẽ tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên. Sinh viên trúng tuyển nếu không đáp ứng các quy định nêu trên sẽ được chuyển sang ngành khác của Học viện có điểm trúng tuyển tương đương.*

- Xét tuyển đối với thí sinh tự do: Học viện nhận hồ sơ xét tuyển học bạ đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT các năm 2022, 2023. Không nhận hồ sơ xét tuyển học bạ với các thí sinh đã tốt nghiệp THPT các năm trước đó.

## 6.2. Xác định điểm trúng tuyển

\* Theo phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT: Điểm trúng tuyển được xác định dựa trên tổng điểm các bài thi/môn thi quy định cho từng nhóm ngành xếp từ cao xuống thấp, cụ thể như sau:

- Đối với các ngành, chuyên ngành thuộc nhóm 2 không có môn nhân hệ số: Điểm xét tuyển (thang điểm 30) được xác định như sau:

Điểm xét tuyển (làm tròn đến 2 chữ số thập phân) = Tổng điểm ba môn thi/bài thi theo tổ hợp đã đăng ký + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

- Đối với các ngành/chuyên ngành thuộc nhóm 1 có môn Ngữ văn, nhóm 3 có môn Lịch sử và nhóm 4 có môn tiếng Anh nhân hệ số 2: Điểm xét tuyển (thang điểm 40) được xác định như sau:

Điểm xét tuyển (làm tròn đến 2 chữ số thập phân) = Tổng điểm ba môn thi sau khi đã nhân hệ số theo tổ hợp đã đăng ký + Điểm ưu tiên /khuyến khích x 4/3 (nếu có).

\* Theo phương thức xét tuyển học bạ:

- Nhóm ngành Báo chí: Điểm xét tuyển =  $(A + B \cdot 2) / 3$  + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

- Các ngành nhóm 2: Điểm xét tuyển =  $A$  + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

- Nhóm 3 ngành Lịch sử: Điểm xét tuyển =  $(A + C \cdot 2) / 3$  + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

- Các ngành nhóm 4: Điểm xét tuyển =  $(A + D \cdot 2) / 3$  + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

Trong đó:

A = Điểm TBC 5 học kỳ THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).

B = Điểm TBC 5 học kỳ môn Ngữ văn THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).

C = Điểm TBC 5 học kỳ môn Lịch sử THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).

D = Điểm TBC 5 học kỳ môn Tiếng Anh THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).

Nếu điểm TBC dưới 7.5 điểm ưu tiên được xác định thông thường theo Đề án tuyển sinh

Nếu điểm TBC từ 7.5 trở lên tổng điểm ưu tiên/khuyến khích được xác định như sau:

Điểm ưu tiên/khuyến khích =  $[(10 - \text{điểm TBC}) / 2.5] \times \text{tổng điểm ưu tiên/khuyến khích}$

\* Theo phương thức xét tuyển kết hợp: căn cứ mức điểm chứng chỉ tiếng Anh, chứng chỉ SAT. Trường hợp thí sinh có mức điểm chứng chỉ bằng nhau cuối danh sách



sẽ xét theo tiêu chí phụ là điểm TBC học tập của 5 học kỳ bậc THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).

*Trường hợp không tuyển đủ chỉ tiêu theo các phương thức xét học bạ, xét tuyển kết hợp, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang phương thức xét tuyển căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT.*

### **6.3. Tiêu chí phụ xét trúng tuyển**

Trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau cuối danh sách sẽ tổ chức xét tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

\* Xét tuyển căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT:

- Đối với các ngành có môn chính nhân hệ số: Ưu tiên thí sinh có tổng điểm gốc 3 môn chưa nhân hệ số, chưa cộng điểm ưu tiên, chưa cộng điểm khuyến khích, chưa làm tròn cao hơn.

- Đối với các ngành/chuyên ngành còn lại: Ưu tiên thí sinh có kết quả thi THPT môn Toán cao hơn.

\* Xét tuyển căn cứ kết quả học bạ THPT:

- Đối với các ngành có môn chính nhân hệ số: Ưu tiên thí sinh có điểm TBC học tập 5 học kỳ bậc THPT cao hơn, không tính điểm học kỳ II năm lớp 12.

- Đối với các ngành/chuyên ngành còn lại: Ưu tiên thí sinh có điểm TBC học tập 5 học kỳ môn Toán THPT cao hơn, không tính điểm học kỳ II năm lớp 12.

\* Xét tuyển kết hợp: Ưu tiên thí sinh có điểm TBC học tập 5 học kỳ bậc THPT cao hơn, không tính điểm học kỳ II năm lớp 12.

### **7. Tổ chức tuyển sinh**

Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, thời hạn và hình thức nhận hồ sơ đối với tất cả các phương thức xét tuyển: theo quy định và lịch trình công tác tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Dự kiến nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển từ ngày 15/4/2024 đến 17h ngày 30/5/2024 (có Thông báo nộp hồ sơ riêng)**

### **8. Chính sách ưu tiên**

#### **8.1. Đối tượng ưu tiên xét tuyển**

- Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học, nếu có kết quả

thi tốt nghiệp THPT đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Học viện.

- Thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thí sinh đoạt giải Tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia đã tốt nghiệp THPT được ưu tiên xét tuyển theo ngành phù hợp với môn thi và nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải;

- Thí sinh đăng ký diện ưu tiên xét tuyển ngành Báo chí phải đạt điểm TBC học tập 5 học kỳ môn Ngữ văn THPT từ 7,0 trở lên (không tính học kỳ 2 năm lớp 12).

Kết quả xét tuyển thẳng sẽ được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được gửi cho các Sở Giáo dục và Đào tạo để thông báo cho thí sinh và được thông báo trên Cổng thông tin điện tử Học viện - Chuyên trang đào tạo - tuyển sinh: <https://daotaoajc.edu.vn/>

**8.2. Quy đổi điểm đối với thí sinh có chứng chỉ quốc tế, chứng chỉ khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc môn tiếng Anh**

Mức quy đổi điểm chứng chỉ quốc tế môn tiếng Anh, chứng chỉ Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam (VSTEP) để xét tuyển căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT, cộng điểm khuyến khích đối với thí sinh xét tuyển học bạ, cụ thể như sau:

TT	Mức điểm chứng chỉ tiếng Anh						Điểm quy đổi để xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT	Điểm khuyến khích xét theo học bạ
	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	APTIS (General)	APTIS (Advanced)	VSTEP		
1	485-499	35-45	5.0	131	110	5.5 (Bậc 3)	7,0	0,1
2	500-542	46-59	5.5	153	126	6.0 (Bậc 4)	8,0	0,2
3	543-560	60-78	6.0	160	153	7.0 (Bậc 4)	9,0	0,3
4	561-589	79-93	6.5	170	160	8.0 (Bậc 4)	9,5	0,4
5	>=590	>=94	>=7.0	>=180	>=165	>=8.5 (Bậc 5)	10,0	0,5



Thí sinh có các chứng chỉ tiếng Anh TOEFL ITP và TOEFL iBT (do tổ chức Educational Testing Service cấp), chứng chỉ IELTS (do tổ chức British Council hoặc International Development Program cấp), chứng chỉ SAT (do tổ chức Educational Testing Service cấp), chứng chỉ APTIS (do tổ chức British Council cấp), chứng chỉ Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP) do các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép cấp, còn hiệu lực đến thời điểm nộp hồ sơ xét tuyển đại học (tính đến ngày cuối cùng nhận hồ sơ xét tuyển) phải nộp bản sao công chứng chứng chỉ TOEFL ITP/TOEFL iBT/ IELTS/ SAT/ Khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc về Học viện để xét quy đổi điểm tuyển sinh.

### 8.3. Điểm ưu tiên theo đối tượng, khu vực

Loại ưu tiên	Đối với thí sinh xét học bạ	Đối với thí sinh xét kết quả tốt nghiệp THPT
<i>Ưu tiên theo đối tượng</i>		Thực hiện theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Nhóm ưu tiên 1: đối tượng 01, 02, 03, 04	0,1	
Nhóm ưu tiên 2: đối tượng 05, 06, 07	0,05	
<i>Ưu tiên theo khu vực</i>		
KV1	0,15	
KV2NT	0,1	
KV2	0,05	

### 8.4. Điểm khuyến khích (sử dụng cho phương thức xét học bạ)

- Thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn văn hóa: 0,3 điểm.

- Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa: 0,2 điểm.

- Thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa: 0,1 điểm.

Thí sinh đạt giải cần nộp các minh chứng kèm hồ sơ đăng ký xét tuyển.

**9. Lệ phí xét tuyển:** Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy năm 2024 - 2025**

- Các ngành đào tạo giảng viên lý luận chính trị (Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) được miễn học phí.

- Các ngành khác hệ đại trà (dự kiến): 506.900 đ/tín chỉ (chương trình toàn khóa 143 tín chỉ).

- Các ngành (thu phí theo định mức kinh tế - kỹ thuật): Quảng cáo, Quan hệ công chúng chuyên nghiệp, Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế, Thông tin đối ngoại, Ngôn ngữ Anh, Xã hội học, Biên tập xuất bản (dự kiến): 1.058.200 đ/tín chỉ (chưa bao gồm 13 tín chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

- Lộ trình tăng học phí cho từng năm theo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (đề b/c),
- Học viện CTQG HCM (đề b/c),
- Hội đồng trường,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Các đơn vị,
- Website,
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Phạm Minh Sơn